| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN PHÚ VANG**<br>**TỈNH THỪA THIÊN HUẾ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: **145**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16/9/2019.
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ VANG, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Hương Lan.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thanh Hoài và bà Trần Thị Ngọc Nga.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Phương Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Đức Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2019 về việc "Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXX-ST ngày 24 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Trần Thị L**; sinh năm 1978; Trú tại: xã H, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; Có mặt.

2. Bị đơn: **Anh Phan S**; sinh năm 1973; Trú tại: xã H, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế;Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12 tháng 3 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Trần Thị L đều trình bày:

Chị Trần Thị L và anh Phan S kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và được Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/11/2002. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ Anh S được 1 tháng, sau đó vợ chồng ra làm nhà riêng để ở hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do Anh S thường xuyên cờ bạc, say xỉn, về nhà đòi tiền vợ không có thì đánh đập và đuổi vợ con ra khỏi nhà. Chị L cho rằng vợ chồng đã sống ly thân hơn 03 tháng nay. Nay chị thấy tình

cảm không còn, sống với nhau không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh Phan S để ổn định cuộc sống.

- Bị đơn anh Phan S trình bày: Quá trình tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân như lời chị L trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian dài đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị L làm ăn thua lỗ và tự ý bán xe nên anh bức xúc có những lời lẽ thiếu tế nhị, vợ chồng xúc phạm lẫn nhau nên chị L đã bỏ đi. Anh S đã nhiều lần động viên chị L quay về nhưng chị L nhất quyết không về. Anh S vẫn còn tình cảm với chị L nên việc chị L xin ly hôn thì Anh S không đồng ý. Anh S mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái cho tốt.

- Về con chung: Chị Trần Thị L và anh Phan S cùng xác nhận vợ chồng có 04 con chung tên là Phan Rn, sinh ngày 05/3/2003; Phan R, sinh ngày 17/10/2004; Phan Thị Lan N, sinh ngày 24/10/2007 và Phan Thị Như Y, sinh ngày 12/12/2013. Hiện nay, cháu Rn và Như Ý ở với chị L, còn cháu R và Lan N ở với Anh S.

Sau khi ly hôn, chị L có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu Phan Rn, sinh ngày 05/3/2003 và Phan Thị Như Y, sinh ngày 12/12/2013 cho đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Giao hai cháu Phan R, sinh ngày 17/10/2004 và Phan Thị Lan N, sinh ngày 24/10/2007 cho Anh S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh S không đồng ý ly hôn nên không đặt vấn đề về nuôi con và mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị L và anh Phan S tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Anh S không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng đoàn tụ sống hạnh phúc. Nếu chị L cương quyết xin ly hôn thì Anh S đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.Tuy nhiên, Tòa án đã triệu tập hợp lệ Anh S nhiều lần nhưng anh không đến, đồng thời chị L cũng có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nữa mà phải đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế cho biết: Anh Phan S thường xuyên uống rượu bia, say xỉn về nhà gây gỗ đánh đập vợ con, chị L làm nghề bán hoa tươi ở phường Tây Lộc và thỉnh thoảng chị mới về nhà. Nay chị L xin ly hôn Anh S thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại các Điều 28; 35; 39; 68; các Điều từ 93 đến 97; Điều 195; 196 và Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc xác định tư cách tham gia tố tụng, việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ, trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho các đương sự.

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đảm bảo, đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70,71 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự . Đối với bị đơn, vắng mặt tại phiên tòa là chưa chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70,72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

**Quan điểm về việc giải quyết vụ án*: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Trần Thị L được ly hôn với anh Phan S.

- Về con chung: Giao hai cháu Phan Rn, sinh ngày 05/3/2003 và Phan Thị Như Y, sinh ngày 12/12/2013 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho khi các cháu trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Giao hai cháu Phan R, sinh ngày 17/10/2004 và Phan Thị Lan N, sinh ngày 24/10/2007 cho Anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị L và anh Phan S tự nguyện thỏa thuận giải quyết với nhau và không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị L có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh Phan S và tranh chấp về nuôi con chung nên quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Chị L và Anh S đều có hộ khẩu thường trú tại huyện Phú Vang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Tòa án đã tiến hành niêm yết 02 lần nhưng anh Phan S không đến. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Phú Vang tiến hành xét xử vắng mặt Anh S.

[2] Về nội dung: Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Phan S kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và được Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/11/2002. Quá trình sống chung thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn dẫn đến ly thân nên chị L xin ly hôn với Anh S. Qua các chứng cứ thu thập được tại phiên tòa và có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy có đủ chứng cứ để xác định hôn nhân của chị L và Anh S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Phía Anh S

tuy không đồng ý ly hôn nhưng đã không có biện pháp để có thể hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Do đó, nghĩ cần chấp nhận cho chị L được ly hôn Anh S là hợp lý.

- Về con chung: Quá trình chung sống, chị Trần Thị L (Em) và anh Phan S cùng xác nhận vợ chồng có 04 con chung tên là Phan Rn, sinh ngày 05/3/2003; Phan R, sinh ngày 17/10/2004; Phan Thị Lan N, sinh ngày 24/10/2007 và Phan Thị Như Y, sinh ngày 12/12/2013. Hiện nay, cháu Rn và Như Ý ở với chị L, còn cháu R và Lan N ở với Anh S.

Các cháu Rn và Như Ý có nguyện vọng được ở với chị L, còn 02 cháu R và Lan N có nguyện vọng được ở với Anh S nên cần chấp nhận theo nguyện vọng của các cháu. Giao hai cháu Phan Rn, sinh ngày 05/3/2003 và Phan Thị Như Y, sinh ngày 12/12/2013 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Giao hai cháu Phan R, sinh ngày 17/10/2004; Phan Thị Lan N, sinh ngày 24/10/2007 cho Anh S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị L và anh Phan S tự nguyện thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị L được ly hôn với anh Phan S.

2. Về con chung: Giao hai cháu Phan Rn, sinh ngày 05/3/2003 và Phan Thị Như Y, sinh ngày 12/12/2013 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Giao hai cháu Phan R, sinh ngày 17/10/2004; Phan Thị Lan N, sinh ngày 24/10/2007 cho Anh S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trần Thị L (Em) và anh Phan S có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được quyền cản trở.

Chị Trần Thị L (Em) và anh Phan S có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức đóng góp phí tổn nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị L và anh Phan S tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2013/004026 ngày 27/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Vang. Chị L đã nộp đủ

5. Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh TT Huế;*
- *VKSND tỉnh TT Huế;*
- *VKSND huyện Phú Vang;*
- *Chi cục THADS huyện Phú Vang;*
- *UBND thị trấn Thuận An;*
- *Lưu hồ sơ, lưu dán.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**NGUYỄN HƯƠNG LAN**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Các Hội thẩm nhân dân** **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thanh Hoài** **Trần Thị Ngọc Nga** **Nguyễn Hương Lan**